

Bản án số: 218/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 03 tháng 7 năm 2020  
V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Hà Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Nguyễn Quang Hiền

Bà: Nguyễn Thị Hà

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Thiện Phúc – thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa:***  
Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 11/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2020/QĐST- HNGĐ ngày 17/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Ng**, sinh năm 1979

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Xuân Dục, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Xóm 3, thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: anh **Hoàng Anh T**, sinh năm 1984

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Xuân Dục, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong Đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/10/2019, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - chị Phạm Thị Ng trình bày:

*Về hôn nhân:* chị kết hôn với anh Hoàng Anh T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội ngày 19/12/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống tại địa chỉ phòng 1106, Tòa nhà H2, khu đô thị Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, Hà Nội. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh T thường xuyên đi làm xa không quan tâm chăm sóc vợ con, công việc làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần nhưng chị không biết là anh T nợ bao nhiêu, nợ những ai. Không những thế, anh T còn có tính ghen tuông bóng gió dẫn đến đánh mắng chị vô cớ. Cuộc sống chung vợ chồng căng thẳng kéo dài khiến chị thấy căng thẳng, áp lực, mục đích hôn nhân không đạt được. Khoảng cuối năm 2017 anh T mang theo con trai về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Xuân Dục, xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội để ở nhưng thời gian đó vợ chồng chị vẫn gặp nhau. Đến cuối năm 2018 chị mới về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 3, thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, Đông Anh ở, vợ chồng chị mới cắt đứt hẳn quan hệ sinh lý với nhau từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

*Về con chung:* chị và anh Hoàng Anh T có 02 con chung là cháu Hoàng V. A, sinh ngày 22/7/2014 và cháu Hoàng Thị Th. L, sinh ngày 17/3/2019. Hiện chị đang nuôi dưỡng cháu Lý. Đối với cháu V. A hiện do bố mẹ anh T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi vợ chồng ly thân, chị vẫn đến thăm nom cháu V. A và đóng tiền học cho cháu nhưng từ cuối năm 2018, bố mẹ anh T không cho chị gặp cháu nên chị chỉ có thể gặp cháu ở ngoài đường, chị chỉ có thể mua sắm quần áo và cho cháu tiền tiêu vặt.

*Về thu nhập:* Hiện nay chị đang làm thu ngân tại Công ty liên doanh Ngô Quyền có trụ sở tại số 15, Ngô Quyền, phường Trảng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, thu nhập bình quân hàng tháng của chị từ 11.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng.

*Về chỗ ở:* Hiện chị và cháu Hoàng Thị Th. L đang ở cùng bố mẹ đẻ của chị là ông Phạm Quốc Bính và bà Lê Thị Đông. Bố mẹ chị đồng ý để chị và cháu Lý tiếp tục ở đó cho đến khi chị tạo lập được chỗ ở mới.

Vì vậy, chị đề nghị Tòa án xem xét và chấp nhận cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu cả hai con chung.

*Về tài sản chung vợ chồng:* chị không yêu cầu Tòa án giải quyết do anh T không đến Tòa.

*Về nợ chung vợ chồng:* nợ chung vợ chồng chị không có, không ai nợ vợ chồng chị.

Ngoài ra chị Ng không còn yêu cầu và không trình bày nội dung nào nữa.

Bị đơn, là anh Hoàng Anh T không có lời khai tại Tòa án do quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt tại địa phương.

Đối với hai con chung của chị Ng và anh T đều chưa tròn 07 tuổi nên Tòa án không lấy ý kiến của các cháu

Đối với vụ án này, Tòa án không hòa giải được về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung vì vắng mặt bị đơn.

*Tại phiên tòa ngày hôm nay:* chị Phạm Thị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Hoàng Anh T và nội dung các lời khai mà chị đã trình bày tại Tòa án. Bị đơn, anh Hoàng Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị đơn không chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự thể hiện qua việc vắng mặt tại phiên tòa và quá trình tố tụng giải quyết vụ án không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Phạm Thị Ng được ly hôn với anh Hoàng Anh T.

Về con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị Ng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền*: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 – Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Trong vụ án, bị đơn là anh Hoàng Anh T có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại huyện Gia Lâm, nơi cư trú của anh T xác định ở tại địa chỉ thôn Xuân Dục, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Anh T vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo với chính quyền địa phương về sự vắng mặt của mình, cũng không thông báo với chị Ng địa chỉ mới của mình, bố mẹ anh T là ông Hoàng Văn Th và bà Nguyễn Thị T cũng không biết hiện anh T đang ở đâu nên căn cứ vào Điều 35, Điều 39 và Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Bị đơn, anh Hoàng Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không phải vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị Ng và anh Hoàng Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội ngày 19/12/2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3]. *Về nguyên nhân mâu thuẫn*: Căn cứ vào những lời khai của chị Ng, các biên bản làm việc của Tòa án với Chính quyền địa phương và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Phạm Thị Ng và anh Hoàng Anh T quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau. Anh T không quan tâm, chăm sóc vợ, con, cuộc sống vợ chồng căng thẳng kéo dài, vợ chồng không cùng chung chí hướng và mục đích trong hôn nhân. Đến cuối năm 2018, vợ chồng chị ly thân, cắt đứt hẳn quan hệ sinh lý với nhau cho đến nay. Nay chị Ng xác định tình cảm vợ chồng với anh T đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh T đều vắng mặt. Tòa án đã kết hợp với chính quyền địa phương nhiều lần đến tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án và ra Thông báo ngày 29/4/2020 để thông báo cho anh T về lời khai và quan điểm của chị Ng, về tình cảm, con chung và tài sản chung khi vợ chồng khi ly hôn. Tòa án đã kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nơi cư trú của anh T để lấy lời khai nhưng không lấy được do anh T vắng nhà, đồng thời Tòa án cũng đã làm các thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: đăng tin 03 ngày liên tiếp nhắc tìm anh T trên Đài tiếng nói Việt Nam (VOV) vào các ngày 27, 28 và 29 tháng 02 năm 2020 và đăng trên 03 số báo Nhân dân liên tiếp các số: 23507, ngày 28/02/2020, 23508, ngày 29/02/2020, 23509, ngày 01/3/2020 và đăng trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhưng anh T vẫn vắng mặt và không có văn bản trả lời về việc chị Phạm Thị Ng xin ly hôn với anh.

Anh T chưa bao giờ đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo Biên bản làm việc ngày 18/02/2020 của Tòa án với Công an xã Yên Thường, các biên bản làm việc với bố mẹ anh T và tổng đạt của Tòa án đều thể hiện anh T đang đi làm xa không có mặt tại địa phương và không có bất cứ thông tin gì, cũng không thông báo với chính quyền địa phương về việc vắng mặt. Như vậy, sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh T đã bỏ đi làm xa không thông báo địa chỉ mới của mình cho chị Ng cũng như những người thân trong gia đình, qua đó thể hiện anh T không có ý thức hàn gắn tình cảm khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã không sống cùng với nhau từ khoảng cuối năm 2017 và đến khoảng cuối năm 2018 mới cắt đứt hẳn quan hệ sinh lý với nhau cho đến nay.

Như vậy, chị Ng trình bày là vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã cắt đứt hẳn quan hệ sinh lý với nhau từ cuối năm 2018 đến nay là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Như vậy, mục đích hôn nhân của vợ chồng của chị Ng và anh T không đạt được. Do vậy, thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ng là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung:*

Vì anh T không đến Tòa án, nên căn cứ vào lời khai của chị Ng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chị Ng và anh T có 02 con chung là cháu Hoàng V. A, sinh ngày 22/7/2014 và cháu Hoàng Thị Th. L, sinh ngày 17/3/2019. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung.

Tại Biên bản làm việc ngày 29/4/2020 với ông Hoàng Văn Thlà bố đẻ anh T, ông Th có trình bày là cháu Hoàng Thị Th. L không phải là con của anh T mà là con riêng của chị Ng. Theo Trích lục khai sinh số 574, ngày 15/5/2019 của UBND xã Yên Thường thì cháu Hoàng Thị Th. L, sinh ngày 17/3/2019, người mẹ là Phạm Thị Ng, người bố là Hoàng Anh T. Theo Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cháu Lý sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị Ng và anh T là con chung của vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa nên không có chứng cứ khẳng định cháu Lý không phải con chung của chị Ng và anh T. Vì vậy HĐXX xác định, chị Ng và anh T có 02 con chung là cháu Hoàng V. A, sinh ngày 22/7/2014 và cháu Hoàng Thị Th. L, sinh ngày 17/3/2019.

Theo chị Ng trình bày và qua các Biên bản làm việc của Tòa án với chính quyền địa phương và với ông Hoàng Văn Th và bà Nguyễn Thị T là bố mẹ đẻ anh T thể hiện chị Ng đang nuôi dưỡng cháu Lý còn cháu A đang ở với ông Th và bà T do anh T vắng nhà không có mặt tại địa phương. Như vậy, sau khi vợ chồng anh chị ly thân, anh T nuôi dưỡng cháu V.A nhưng thực tế anh T không

thực hiện việc nuôi dưỡng mà bố mẹ anh T mới là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh.

Theo khoản 3 điều 70 Luật hôn nhân gia đình quy định: “ *Con chưa thành niên ....có quyền sống chung với cha mẹ, được cha mẹ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc*”. Vì vậy cần giao cháu Hoàng V. A cho chị Ng nuôi dưỡng mới đảm bảo quyền và lợi ích của cháu và phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét về khả năng nuôi dưỡng con của chị Ng: Căn cứ vào Hợp đồng lao động và Giấy xác nhận ngày 21/3/2020 do chị Ng xuất trình về vị trí công tác và mức thu nhập 3 tháng liên kế (trước dịch bệnh Covid-19) thì chị Ng có mức thu nhập bình quân 12.382.366 đồng/tháng. Chị Ng và cháu Lý hiện đang sinh sống cùng bố mẹ chị Ng là ông Phạm Quốc B và bà Lê Thị Đ tại xóm 3, thôn Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội, ông B (là chủ hộ) đồng ý cho mẹ con chị Ng tiếp tục ở cùng trên nhà đất của ông bà cho đến khi tạo lập được chỗ ở mới. Như vậy về thu nhập và chỗ ở của chị Ng đủ điều kiện để nuôi dưỡng cả hai con chung.

Do anh T không đến Tòa, không xác định được địa chỉ của anh T nên Hội đồng xét xử thấy giao cháu Hoàng V. A và cháu Hoàng Thị Th. L cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý, đúng với quy định của pháp luật. Chị Ng không yêu cầu anh T phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, mặt khác, hiện không xác định được địa chỉ của anh T nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi cháu Anh và cháu Lý trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng*: Do anh T không đến Tòa, chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ng phải chịu án phí ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 88 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Ng với anh Hoàng Anh T. Chị Phạm Thị Ng được ly hôn với anh Hoàng Anh T.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng V. A, sinh ngày 22/7/2014 và cháu Hoàng Thị Th. L, sinh ngày 17/3/2019 cho chị Phạm Thị Ng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Hoàng Anh T cho đến khi cháu A và cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Ng đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2010/0004979, ngày 26/12/2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm nay được chuyển thành án phí. Chị Ng không phải nộp thêm tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Phạm Thị Ng có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi gửi:**

- Những người tham gia tố tụng
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội
- VKSND huyện Gia Lâm
- T.H.A DS huyện Gia Lâm
- UBND xã Yên Thường
- (ĐKKH số 140/2013, quyền số 01/2013, Đk ngày 19.12.2013)
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Thái Thị Hà Thu**